

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+RC3+P4	7:25	2+3+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
2		TD3+P6+AMD	7:25	1+7+14	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
3		P4+P1+P2	7:25	20+0+2	0+0+0		17+0+0	0+0+0	Chuyen 1 P1- P2
4		P7+P4+P10	9:25	17+5+0	0+0+0		11+8+1	0+0+0	Chuyen 2 P7- P10Chuyen 1 P4-P10
5		RP3+CTCl+RP2+P5	9:25	2+0+2+14	0+0+0+0		0+0+0+16	0+0+0+0	Chuyen 1 CTCl-RP2
6		AMD+HSD	9:25	17+4	0+0		18+4	0+0	
7		CTK3+BK5+TD1	9:25	14+8+0	0+0+0		1+1+5	0+0+0	
8		P3+BK9+GTCl	11:25	22+0+0	0+0+0		15+4+2	0+0+0	
9		TD2	8:00	BAY DOT XUAT					LAY MAU

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/đi về trong ngày GTCl-2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	TO: GTC1 - RC3 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: QViệt - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.V	GTC1	25	1	2		65	KH-THAC	Russian
2	POPOV A.A	GTC1	27	1	3		75	KH-THAC	Russian
3	CAO ĐAC DAN	RC3	37-38	2	14	47	70	CODIEN	Vietnamese
4	LE HUY BAC	RC3	36	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RC3	42-43	2	20		66	CODIEN	Vietnamese
6	MARJIEV M. M-C.	P4	57	1	8	70	79	KH-THAC	Russian
7	SOKOLUK S. M.	P4	58	1	9		81	KH-THAC	Russian
8	VLASOV A. M.	P4					88	KH-THAC	Russian
9	ĐỖ HỮU NAM	P4	54	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	P4	55	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN SĨ TUẤN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO MINH TUẤN	P4	59-60	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN CHIEN	P4	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	53	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P4	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ANH ĐỨC	P4	500	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH SƠN	P4	61	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	P4	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM VĂN PHÚC	P4	56	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG KHÁC DU	P4	52	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	LÂM XUÂN HAI	P4	51	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HAI	P4	62	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	5	140	0	0		
2	RC3	3	5	44	203	47	0		
3	P4	17	16	105	1.255	70	22		
TOTAL		22	23	154	1.598	117	22		
WEIGHT KG				154	1.598	117			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

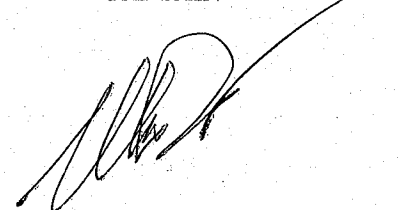
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - P6 - AMD	CREW: HUNG - NPhú - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

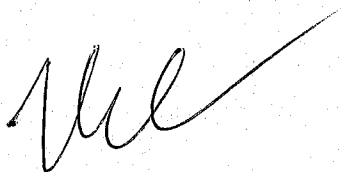
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH HOAN	TD3	33	1	8	22	60	KHOAN	Vietnamese
2	TONG VAN DUC	P6	07	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN DAT	P6	11-12	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN MINH NGOC	P6	08	1	12	12	88	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN NGOC TUAN ANH	P6	13-14	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG THAI TAI	P6	10	1	12	20	80	XAYLAP	Vietnamese
7	TRUONG DUC MANH	P6	15-16	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HONG QUAN	P6	17-18	2	15	40	73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DUY LAM	AMD	60	1	12		63	HLJOC	Vietnamese
10	DO VAN THAO	AMD	61	1	10		70	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN LE HONG VU	AMD	53	1	10		60	TLJOC	Vietnamese
12	TRAN DAI NGHIA	AMD	55-56	2	12		73	HLJOC	Vietnamese
13	PHAM TUAN HA	AMD	66	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG THE HIEN	AMD	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH KHANH	AMD	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM ANH NGU	AMD	63-64	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG CAO TRI	AMD	69	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG THANH	AMD	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CONG THANH	AMD	62	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TAN	AMD	65	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH CAN	AMD	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MINH HOANG	AMD	67-68	2	15		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

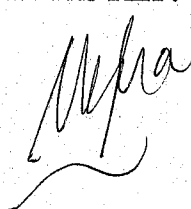
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	1	1	8	60	22	1		
2	P6	7	11	93	533	72	0		
3	AMD	14	17	121	970	0	21		
TOTAL		22	29	222	1.563	94	22		
WEIGHT KG				222	1.563	94			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

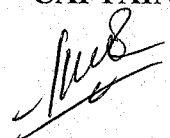
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - P1 - P2	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH NAM	P4	93-94	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC MINH	P4	80	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TINH	P4	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU THANH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	86	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUNG BAY	P4	79	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUY TIEN	P4	96	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM MẠNH HAI	P4	85	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIEN	P4	97	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG NGOC HOAI	P4	95	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TAM	P4	82	1	10		70	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG NGUYEN	P4	92	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHI	P4	91	1	4		71	PSV	Vietnamese
14	TRẦN THANH LIÊM	P4	90	1	6		65	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN MUỘI	P4	89	1	4		56	PSV	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG KIEN	P4	84	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG THANG	P4	88	1	5		81	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN AI	P4	81	1	3		56	PSV	Vietnamese
19	BUI ĐỨC CHÍNH	P4	87	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	PHẠM XUAN HUNG	P4	83	1	7		80	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	P2	90-91	2	12	15	66	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN ĐOÀN HA	P2	92	1	15		89	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	20	123	1.377	0	17		CHUYEN 01 PAX TU P1 SANG P2
2	P1	0	0	0	0	0	0	+2	
3	P2	2	3	27	155	15	0		
TOTAL		22	23	150	1.532	15	17		
WEIGHT KG				150	1.532	15			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P7 - P4 - P10	CREW: QViệt - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	P7	26	1	15	70	53	KHOAN	Vietnamese
2	SAGIROV M. S.	P7	32	1	10		72	KH-THAC	Russian
3	HOÀNG MẠNH CUÔNG	P7	38	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	30-31	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VĂN SƠN	P7	39-40	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CÔNG LAN	P7	29	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIẾN HIỆP	P7	36	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN PHƯƠNG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC SƠN	P7	37	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	34	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P7				17	84	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MINH	P7	41	1	16		85	T-TIN	Vietnamese
14	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	27	1	3		69	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TÀI	P7	35	1	5		74	PSV	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC CUÔNG 72	P7	28	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	PHẠM DUY CHUNG	P7	33	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THẾ CÔNG	P4	73	1	6		59	PSV	Vietnamese
19	TRẦN MINH TÂM	P4	18,75	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MẠNH HÙNG	P4	69-70	2	14		80	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG TRỌNG PHÚC	P4	71	1	11	15	72	XAYLAP	Vietnamese
22	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	P4	68,73-74	3	13		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	17	16	103	1.177	87	11		CHUYEN 2 PAX P7 SANG P10 CHUYEN 1 PAX P4 SANG P10
2	P4	5	9	54	349	15	8		
3	P10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	157	1.526	102	20		
WEIGHT KG				157	1.526	102			

GRAND TOTAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	TO: RP3 - CTC1 - RP2 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - TRƯỜNG -	ETA: 11:10
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THÀNH	RP3	22	1	5	145	86	CODIEN	Vietnamese
2	LÂM NHƯT MINH	RP3	21	1	14	30	62	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH CÔNG	RP2	77	1	14	95	72	CODIEN	Vietnamese
4	DUƠNG HỮU THUẬN	RP2	78	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	43	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	46	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔNG XUÂN SINH	P5	40	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	47	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	37	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	41	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LUÔNG VĂN THÀNH	P5	39	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CAO MẠNH	P5	48	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUÝ TÂN	P5	34	1	10	50	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH	P5	36,38	2	15		65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	44	1	4		66	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P5	42	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO XUÂN THÀNH	P5	45	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	19	148	175	0		CHUYỂN 1 PAX CTC1 SANG RP2 THAO 4 CHO CHO HANG
2	CTC1	0	0	0	0	15	0	1	
3	RP2	2	2	19	135	95	0		
4	P5	14	15	81	992	50	16		
TOTAL		18	19	119	1.275	335	16		
WEIGHT KG				119	1.275	335			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: AMD - HSD	CREW: HUNG - NPhú - Luy	ETA: 11:25
TRANG-2			

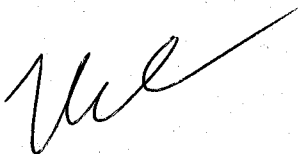
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ BÁ THANH	AMD	79	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH HUNG	AMD	70-71	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	86	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	85	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH DANH	AMD	82-83	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	78,80	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN KHANH	AMD	77	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VINH QUANG	AMD	73	1	7	10	65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG VIỆT	AMD	76	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	81	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH CÔNG HOANG	AMD	87	1	3		63	PSV	Vietnamese
13	TRẦN CAO TĂNG	AMD	74	1	6		70	PSV	Vietnamese
14	LUONG VIỆT HÒA	AMD	88	1	6		72	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	89	1	3		64	PSV	Vietnamese
16	PHẠM TUÂN THANH	AMD	75	1	6		76	PSV	Vietnamese
17	PHAN VĂN HÒA	AMD	84	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	HY TẠC SANG	HSD	16	1	12		72	TLJOC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HUNG	HSD	14-15	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ VĂN THỦY	HSD	12-13	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	11	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

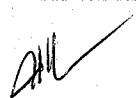
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	20	125	1.154	10	18		
2	HSD	4	6	51	296	0	4		
TOTAL		21	26	176	1.450	10	22		
WEIGHT KG				176	1.450	10			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

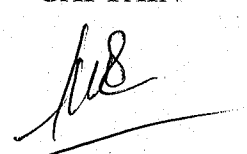
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - BK5 - TD1	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	CTK3	61	1	8		66	TRUONG	Vietnamese
2	TRAN DINH CHUONG	CTK3	65	1	5		63	TRUONG	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN TUNG	CTK3	62	1	12		62	TRUONG	Vietnamese
4	DO DINH TRUONG	CTK3	58-59	2	18		57	TRUONG	Vietnamese
5	VU VAN TOAN	CTK3	73	1	4		62	TRUONG	Vietnamese
6	LE THIEU KY	CTK3	68	1	7		55	TRUONG	Vietnamese
7	NGUYEN DUY KHANH	CTK3	57	1	10		65	TRUONG	Vietnamese
8	TRAN QUOC KHANH	CTK3	66	1	7		57	TRUONG	Vietnamese
9	TRAN QUANG DU	CTK3	71	1	10	6	67	TRUONG	Vietnamese
10	NGUYEN VAN ON	CTK3	69-70	2	13	30	70	TRUONG	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SAN	CTK3	60	1	10		53	TRUONG	Vietnamese
12	VU TRONG THAO	CTK3	63-64	2	14		64	TRUONG	Vietnamese
13	PHAM VAN HAI	CTK3	67	1	7		63	TRUONG	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	72	1	10		63	TRUONG	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	56	1	5		57	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHANH	BK5	57	1	6		67	PSV	Vietnamese
17	PHAM LE THAI DAO	BK5	65-66	2	8		70	SOTS	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG KIEN	BK5	62	1	7		71	SOTS	Vietnamese
19	NGUYEN VAN RIN	BK5	58	1	8	35	67	SOTS	Vietnamese
20	NGUYEN THANH LUAN	BK5	59	1	7		56	SOTS	Vietnamese
21	LE DUC THANH	BK5	60	1	8		58	SOTS	Vietnamese
22	LE THANH LAP	BK5	61	1	7		53	SOTS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	17	135	867	36	2		
2	BK5	8	9	56	499	35	1		
3	TD1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	26	191	1.366	71	8		
WEIGHT KG				191	1.366	71			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	TO: P3 - BK9 - GTC1	CREW: QViệt - KHOÀN - N Nam	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HỮU CHÍNH	P3	17	1	14	40	63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P3	45-47	3	17		78	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NAM GIANG	P3	22-23	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ KHAI ĐẠT	P3	43-44	2	20		97	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VĂN MINH TÂN	P3	40	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	42	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG THANH	P3	39	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN TOÀN	P3	24-25	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH CAM	P3	48-49	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THẾ DIỄN	P3	55	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG TÂN LỢI	P3	38	1	19		85	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC THỊNH	P3	29-30	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM MINH VŨ	P3	31-32	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SANG	P3	26-27	2	11	26	69	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG THANH SƠN	P3	28	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ ANH	P3	36-37	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
19	VUÔNG MAI	P3	33-34	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN SỸ HƯA	P3	18-20	3	20		62	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM ANH TỰ	P3	50	1	5		76	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC DOANH	P3	21	1	4		81	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	22	35	270	1.573	66	15		
2	BK9	0	0	0	0	0	4		
3	GTC1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	35	270	1.573	66	21		
WEIGHT KG				270	1.573	66			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 08:00
FLIGHT:	TO: TD2	CREW: MTiến - MMinh	ETA: 11:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUSTAVOV VLADIMIR	TD2				40	95	VSP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	1	0	0	95	40	4		
	TOTAL	1	0	0	95	40	4		
	WEIGHT KG			0	95	40			

GRAND TOAL: 135 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/02/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+TTC1+TTC2	7:25	22+0+0	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
2		PVD2+RCDM+RP3	7:25	15+5+0	0+0+0		15+0+2	0+0+0	
3		PVD2+VSP02+RP2	9:25	9+12+0	0+0+0		8+0+2	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2021	TO: PVD2 - TTC1 - TTC2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HU'NG - Linh - NNam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TRONG CHUC	PVD2	51	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
2	NGHIEM VU DAT	PVD2	52	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY THAI	PVD2	61	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	VU THANH PHONG	PVD2	51-52	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HUY	PVD2	58-59	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
6	LE NGOC HOA	PVD2	48	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	DINH VAN CHAO	PVD2	53	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VAN CHUONG	PVD2	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	DO MINH THANH	PVD2	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THE DUONG	PVD2	54	1	5	80	75	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN CANH	PVD2	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH NGOC	PVD2	42-43	2	8		50	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	41	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN LIEM	PVD2	99	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MANH	PVD2	57	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH HOANG	PVD2	60	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	MUSTA FA	PVD2	49	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
18	LE TRUNG KIEN	PVD2	45	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	LE KHAC DUC	PVD2	700	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VIET THANG	PVD2	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN SANG	PVD2	50	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
22	TA NGOC HA	PVD2	53	1	2		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

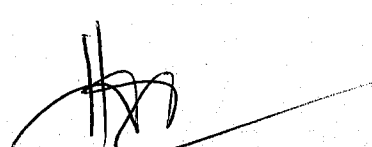
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	25	136	1.541	80	10		
2	TTC1	0	0	0	0	0	8		
3	TTC2	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		22	25	136	1.541	110	22		
WEIGHT KG				136	1.541	110			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

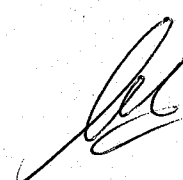
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PVD2 - RCDM - RP3	CREW: VThắng - VLin - QTrường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CU	PVD2	62	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
2	LE TIEN DUONG	PVD2	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN NGHIA	PVD2	69	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	CAO XUAN VINH	PVD2	70	1	14		85	KHOAN	Vietnamese
5	DUONG MANH QUYET	PVD2	68	1	7	40	92	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DUAN	PVD2	74	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	DAO VAN TAM	PVD2	73	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH VU	PVD2	71-72	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MINH TAM	PVD2	75	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THE TAM	PVD2	76-77	2	15	40	80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN BAO TRUNG ANH	PVD2	78-79	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VIET	PVD2	65	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TINH	PVD2	64	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGO VAN SON	PVD2	63	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
15	MAI THE HIEN	PVD2	66	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN BA THUAN	RCDM	02-03	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	RCDM	06-07	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM VAN DUNG	RCDM	08	1	10		50	CODIEN	Vietnamese
19	VO TIEN PHUNG	RCDM	04	1	10	18	67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	18	153	1.117	80	15		HANG VE TU RP3 150KG
2	RCDM	4	6	48	259	18	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	24	201	1.376	98	17		
WEIGHT KG				201	1.376	98			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2021	TO: PVD2 - VSP02 - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - NNam	ETA: 11:20
VANG-2			

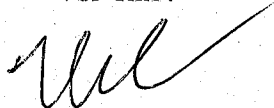
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG XUAN VU	PVD2	90	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM NGOC NHIEU	PVD2	91-92	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LINH	PVD2	88	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG LONG	PVD2	98	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TUYEN	PVD2	89	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THE HUNG	PVD2	99,3000	2	10	40	82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	PVD2	87	1	5	45	67	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN BAO THONG	PVD2	85-86	2	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	VU MINH TUONG	VSP02	73	1	6	50	77	DUY LINH	Vietnamese
10	TRAN NGOC TRUNG	VSP02	71	1	15		65	DUY LINH	Vietnamese
11	TRUONG HUY TRONG	VSP02	82-83	2	10		66	DUY LINH	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HOI	VSP02	84	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
13	LE TIEN THUAT	VSP02	5000	1	10		66	DUY LINH	Vietnamese
14	PHAN NANG KHOA	VSP02	85-86	2	12		57	DUY LINH	Vietnamese
15	HUYNH THANH HIEN	VSP02	69	1	14		59	DUY LINH	Vietnamese
16	VO QUANG HA	VSP02	72	1	15		70	DUY LINH	Vietnamese
17	TRAN DINH SON	VSP02	81	1	6		65	DUY LINH	Vietnamese
18	TRAN TRUNG HIEU	VSP02	70,98	2	10		69	DUY LINH	Vietnamese
19	LE NGOC TRUNG	VSP02	74-75	2	12		90	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC DIEN	VSP02	76-77	2	19		67	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

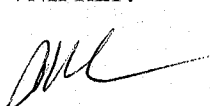
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	11	70	535	85	8		THAO 02 GHE CHO HANG
2	VSP02	12	17	139	816	50	0		
3	RP2	0	0	0	0	40	2		HANG VE TU RP2-100 KG
TOTAL		20	28	209	1.351	175	10		
WEIGHT KG				209	1.351	175			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

